



lù zhàn duì

陆战队

noun · marine corps

Example Sentence

Tā shì yī míng lù zhàn duì shì bīng
他是一名陆战队士兵。

He is a marine corps soldier.

Trace each character, then write the word on your own.

陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	
战	战	战	战	战	战	战	战	战	战	战
战										
队	队	队	队	队	队	队				